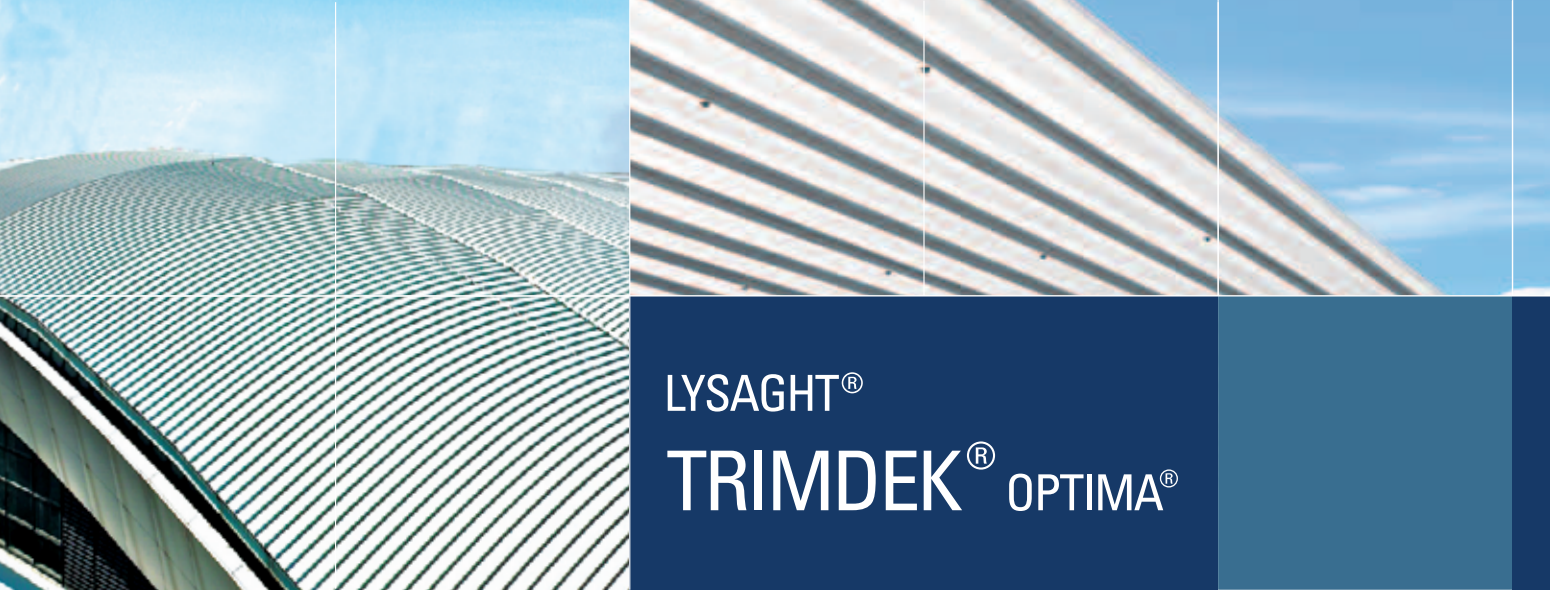
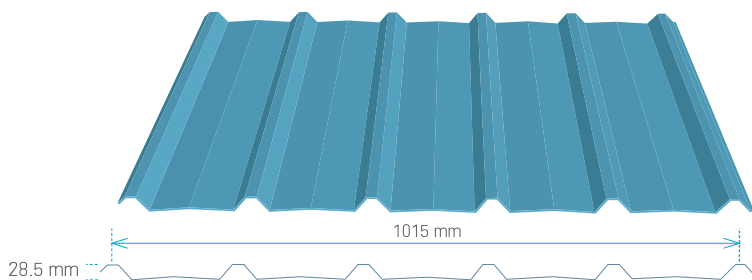




LYSAGHT® TRIMDEK® OPTIMA®



LYSAGHT® TRIMDEK® OPTIMA® là tấm lợp có gân tăng cứng dọc theo sóng thung lũng, với chiều dài được cắt theo yêu cầu nên chỉ cần sử dụng một tấm lợp từ đỉnh mái xuống máng xối hoặc chạy dọc toàn bộ chiều cao vách mà không cần nối máng lợp.

CẤU HÌNH SẢN PHẨM

QUY ĐỊNH KỸ THUẬT CỦA VẬT LIỆU

Chiều dày kim loại nền (BMT) là: 0,35; 0,40 hoặc 0,48mm.

Thép mạ hợp kim nhôm kẽm ZINCALUME® theo tiêu chuẩn của Úc AS-1397 - 2001 G550, AZ150 (với ứng suất giới hạn chảy tối thiểu 550MPa, trọng lượng lớp mạ tối thiểu 150g/m²); Thép Clean COLORBOND® theo tiêu chuẩn của Úc AS/NZS2728:1997, với các dòng sản phẩm:

- Thép Clean COLORBOND® XRW dành cho những công trình đòi hỏi kiến trúc hiện đại, thẩm mỹ và độ bền màu cao.
- Thép Clean COLORBOND® ULTRA được khuyến dùng trong môi trường vùng ven biển hoặc môi trường công nghiệp.
- Thép Clean COLORBOND® XPD được sử dụng cho những công trình yêu cầu về độ bền màu và độ bóng.
- Thép Clean COLORBOND® XPD Pearlescent có chất lượng thẩm mỹ ưu việt nhờ ánh kim loại vĩnh cửu mà vẫn duy trì độ bền màu cho công trình.

Thép Apex® theo tiêu chuẩn TCVN 7471 : 2005 G550 AZ100 (với ứng suất giới hạn chảy tối thiểu 550 MPa, trọng lượng lớp mạ tối thiểu 100g/m²).

DUNG SAI (TÔN THẮNG)

Chiều dài: + 0mm, - 15mm

Chiều rộng: + 2mm, - 2mm

LYSAGHT® TRIMDEK® OPTIMA® is a subtle square-fluted steel cladding, available in long lengths, so on most jobs you can have one sheet from ridge to gutter or full wall height without end laps.

PRODUCT PROFILE

MATERIAL SPECIFICATIONS

The base metal thickness (BMT) is 0.35, 0.40 or 0.48mm.

ZINCALUME® aluminium/zinc alloy-coated steel complying with AS-1397- 2001 G550, AZ150 (550MPa minimum yield stress, 150g/m² minimum coating mass);

The Clean COLORBOND® steel complies with AS/NZS2728:1997, offering extensive ranges at pre-painted steel:

- Clean COLORBOND® XRW steel is intended for buildings that last longer and look better.
- Clean COLORBOND® ULTRA is recommended for severe coastal or industrial environments.
- Clean COLORBOND® XPD steel provides premium color durability, excellent weather ability and formability.
- Clean COLORBOND® XPD Pearlescent provides superior aesthetic qualities with subtle yet dramatic effects and endless nuances.

Apex® steel complying with TCVN 7471 : 2005, G550 AZ100 (550 MPa minimum yield strength: 100g/m² minimum Coating Mass).

TOLERANCES

Length: + 0mm, - 15mm

Width: + 2mm, - 2mm

NHỊP RỘNG HƠN **HIỆU QUẢ HƠN**

LYSAGHT

Hoàn chỉnh / Finishes	Chiều dày thép nền / Base Metal Thickness - BMT (mm)	kg/m²
Thép ZINCALUME® / ZINCALUME® steel	0.35	3.50
Thép Clean COLORBOND® / Clean COLORBOND® XRW steel	0.35	3.58
Thép Apex®/Apex® steel	0.35	3.58
Thép ZINCALUME® / ZINCALUME® steel	0.40	3.98
Thép Clean COLORBOND® / Clean COLORBOND® XRW steel	0.40	4.05
Thép Apex®/Apex® steel	0.40	4.05
Thép ZINCALUME® / ZINCALUME® steel	0.48	4.73
Thép Clean COLORBOND® / Clean COLORBOND® XRW steel	0.48	4.80
Thép Apex®/Apex® steel	0.48	4.80

TÍNH CHẤT VẬT LÝ CỦA LYSAGHT® TRIMDEK® OPTIMA®
Physical properties of LYSAGHT® TRIMDEK® OPTIMA®

Mác thép Steel Grade (MPa)	G550 (550MPa ứng suất chảy tối thiểu) (550MPa minimum yield stress)
Chiều rộng hữu dụng Effective Width of Coverage	1015mm
Chiều cao sóng của tấm lợp Depth of Rib	28.5mm
Độ dốc mái tối thiểu đề nghị Minium Recommended Roof Pitch	2° (1 in 30)
Chiều dày kim loại nền Base Metal Thickness	0.35; 0.40, 0.48mm

KHOẢNG CÁCH ĐÒN TAY TỐI ĐA
Maximum support spacing

LYSAGHT® TRIMDEK® OPTIMA®			
LOẠI NHỊP / TYPE OF SPAN	BMT (mm)		
	0.35	0.40	0.48
Tấm lợp mái / Roofs			
Nhịp đơn / Single span	900	1100	1600
Nhịp cuối / End span	1850	1885	2100
Nhịp giữa / Internal span	2100	2375	3000
Nhịp hẫng không cần gia cường / Unstiffened overhang	150	150	250
Nhịp hẫng cần gia cường / Stiffened overhang	200	200	250
Tấm lợp vách / Walls			
Nhịp đơn / Single span	2000	2150	2300
Nhịp cuối / End span	2200	2400	2700
Nhịp giữa / Internal span	3300	3300	3300
Nhịp hẫng / Overhang	150	150	150

LIÊN KẾT VÍT- TẤM LỢP / Fasteners			
	Liên kết vào thép dưới 0.75mm BMT Fixing to steel up to 0.75mm BMT	Liên kết vào thép >0.75mm đến 3mm BMT Fixing to steel >0.75mm to 3mm BMT	Liên kết vào gỗ Fixing to timber
Liên kết vít tại đỉnh tôn Crest fixed	Vít đầu lục giác, tự khoan gioăng EPDM theo tiêu chuẩn Class 3 AS3566 Class 3 AS3566, Hex flange washer head Self-Drilling Fasteners with non-conductive EPDM Seal A3T 12 - 11 x 65 DGS	Vít đầu lục giác, tự khoan gioăng EPDM theo tiêu chuẩn Class 3 AS3566 SAS3566 Class 3, Hex flange washer head Self-Drilling Fasteners with non-conductive EPDM Seal A3 12 - 14 x 65 DGS	Vít đầu lục giác số 17, tự khoan gioăng EPDM theo tiêu chuẩn Class 3 AS3566 AS3566 Class 3, Type 17 Hex flange washer head with non-conductive EPDM Seal A3T 12 - 11 x 50 DGS (without insulation) A3T 12 - 11 x 65 DGS (with insulation)
Liên kết vít tại sóng thung lũng tôn Valley fixed	A3 12 - 14 x 20	A3 12 - 14 x 20	A3T 10 - 12 x 25
Mối nối biên Sidelap	A3 12 - 15 x 20	Không áp dụng / Not required for this thickness	A3T 10 - 12 x 25

▶ Lưu ý: Vít phù hợp tiêu chuẩn Úc AS - 3566 Class 3

▶ Note: Screws comply to AS - 3566 Class 3

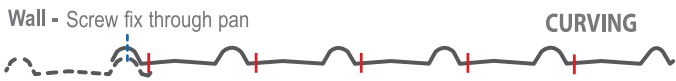
LIÊN KẾT VÍT

LYSAGHT® TRIMDEK® OPTIMA™ yêu cầu 5 vít cho mỗi tấm lợp trên đòn tay theo minh họa bên dưới.



FASTENERS

LYSAGHT® TRIMDEK® OPTIMA™ requires 5 fasteners per sheet per support as shown below.



CÔNG TY TNHH NS BLUESCOPE LYSAGHT VIỆT NAM

TP. HỒ CHÍ MINH Tầng 9, Tòa Nhà Vincom Center, 72 Lê Thánh Tôn, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

Tel : 08. 3 821 0121 Fax : 08. 3 821 0120

HÀ NỘI Tầng 12, Tòa Nhà TungShing, 02 Ngõ Quyền, Q. Hoàn Kiếm, TP. Hà Nội

Tel : 04. 3 935 0976 Fax : 04. 3 935 0974

CẦN THƠ Tầng 7, Tòa Nhà Sacombank, 95-97-99 Võ Văn Tấn, P. Tân An, Q. Ninh Kiều, TP. Cần Thơ

Tel : 0710. 383 9461 Fax : 0710. 383 9497

ĐÀ NẴNG Tầng 5, Tòa Nhà Indochina Riverside, 74 Bạch Đằng, Quận Hải Châu, TP. Đà Nẵng

Tel : 0511. 358 4112 Fax : 0511. 358 4116

